

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal năm 2025 cho các tổ chức tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Các nội dung không điều chỉnh tại Quyết định này được thực hiện theo Quyết định số 525/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal.

Điều 2. Trách nhiệm của tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch

1. Sử dụng các chất được kiểm soát theo đúng lượng hạn ngạch trong năm được điều chỉnh, bổ sung.

2. Tuân thủ nghĩa vụ báo cáo về tình hình sử dụng các chất được kiểm soát trước ngày 15 tháng 01 hằng năm theo quy định của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động sử dụng các chất được kiểm soát.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu, các tổ chức có tên nêu tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Công Thương;
- Cục Hải quan, Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, VP(TH), BĐKH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục

**DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT
GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 8 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn CO ₂ tđ)	Lượng hạn ngạch điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ tđ)	Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ tđ)	Tên chất và khối lượng		
						Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
1	Công ty TNHH MTV Vật Tư Mạnh Tuấn	0310597548	534.908	(24.773)	510.135	HFC-134a	2903.45.00	102.808
						HFC-32	2903.42.00	87.400
						HFC-404A	3827.61.10	22.000
						HFC-407C	3827.64.00	25.036
						HFC-410A	3827.63.10	51.980
						HFC-507A	3827.61.20	12.769
						HFC-452A	3827.63.90	666
						HFC-513A	3827.68.00	8.000
						HFC-449A	3827.65.00	690
						HFC-245 fa	2903.47.00	0
						HFC-417A	3827.63.90	2.260
						HFC-23	2903.41.00	45
						HFC-508B	3827.51.00	45
2	Công ty cổ phần Daikin Air Conditioning (Viet Nam)	0301450108	855.461	(27.338)	828.123	HFC-32	2903.42.00	285.000
						HFC-410A	3827.63.10	300.000
						HFC-134a	2903.45.00	6.500
						HFC-407C	3827.64.00	30

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn CO ₂ td)	Lượng hạn ngạch điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ td)	Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
						Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
3	Công ty TNHH Đặng Hải Anh	0302977994	304.523	(222)	304.301	HFC-134a	2903.45.00	125.120
						HFC-32	2903.42.00	0
						HFC-404A	3827.61.10	25.050
						HFC-410A	3827.63.10	12.995
4	Công ty TNHH Chemours Việt Nam	0316056665	752.706	(435)	752.271	HFC-134a	2903.45.00	133.500
						HFC-404A	3827.61.10	53.710
						HFC-407C	3827.64.00	36.320
						HFC-410A	3827.63.10	100.460
						HFC-507A	3827.61.20	9.080
						HFC-508B	3827.51.00	50
						HFC-452A	3827.63.90	5.000
						HFC-513A	3827.68.00	20.000
						HFC-449A	3827.65.00	10.000
						HFC-43-10mee	2903.48.00	1.000
						HFC-454C	3827.68.00	5.000
5	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Toàn Phát	0900742357	124.276	1.240	125.516	HFC-134a	2903.45.00	18.000
						HFC-32	2903.42.00	30.400
						HFC-404A	3827.61.10	2.500
						HFC-407C	3827.64.00	2.500
						HFC-410A	3827.63.10	27.000
						HFC-23	2903.41.00	500

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn CO ₂ td)	Lượng hạn ngạch điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ td)	Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ td)	Tên chất và khối lượng		
						Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
						HFC-152a	2903.43.00	10.000
6	Công ty TNHH Tổng hợp Phương Anh.	0105214538	121.722	11.777	133.499	HFC-134a	2903.45.00	4.760
						HFC-32	2903.42.00	20.600
						HFC-404A	3827.61.10	12.535
						HFC-410A	3827.63.10	12.430
						HFC-507A	3827.61.20	6.498
						HFC-448A	3827.65.00	9.040
						HFC-449A	3827.65.00	1.000
						HFC-508B	3827.51.00	100
7	Công ty TNHH Thương mại Thanh Kim Long	0301438580	2.719.428	108.206	2.827.634	HFC-134a	2903.45.00	480.000
						HFC-32	2903.42.00	550.000
						HFC-404A	3827.61.10	160.000
						HFC-407C	3827.64.00	121.000
						HFC-410A	3827.63.10	410.000
						HFC-507A	3827.61.20	18.000
8	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Toàn Phát	0104147430	617.608	110.714	728.322	HFC-134a	2903.45.00	260.000
						HFC-32	2903.42.00	55.000
						HFC-404A	3827.61.10	20.000
						HFC-407C	3827.64.00	15.000
						HFC-410A	3827.63.10	60.000
						HFC-507A	3827.61.20	22.000

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn CO ₂ đ)	Lượng hạn ngạch điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ đ)	Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ đ)	Tên chất và khối lượng		
						Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
						HFC-449A	3827.65.00	1.000
9	Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hồng Phúc	0101678070	274.577	103.853	378.430	HFC-134a	2903.45.00	150.000
						HFC-32	2903.42.00	15.000
						HFC-404A	3827.61.10	15.000
						HFC-407C	3827.64.00	5.000
						HFC-410A	3827.63.10	20.000
						HFC-507A	3827.61.20	5.000
						HFC-448A	3827.65.00	6.000
						HFC-513A	3827.68.00	15.000
						HFC-452A	3827.63.90	2.000
						HFC-245 fa	2903.47.00	2.000
						HFC-454C	3827.68.00	1.000
						HFC-455A (loại khác)	3827.69.00	1.000
10	Công ty TNHH MTV cơ điện lạnh HBC	0109983326	78.415	13.500	91.915	HFC-134a	2903.45.00	16.000
						HFC-32	2903.42.00	35.968
						HFC-410A	3827.63.10	15.800
						HFC-404A	3827.61.10	3.000
11	Công ty TNHH Entalpia Europe VietNam.	0316212106	1.938.694	262.832	2.201.526	HFC-134a	2903.45.00	285.000
						HFC-227ea	2903.46.00	255.000
						HFC-32	2903.42.00	345.000

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn CO ₂ đ)	Lượng hạn ngạch điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ đ)	Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ đ)	Tên chất và khối lượng		
						Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
						HFC-404A	3827.61.10	25.000
						HFC-407C	3827.64.00	8.000
						HFC-410A	3827.63.10	180.000
						HFC-507A	3827.61.20	59.000
						HFC-152a	2903.43.00	22.000
						HFC-417A	3827.63.90	6.000
12	Công ty TNHH S-Tec Vina	0700801090	703.892	257.600	961.492	HFC-227ea	2903.46.00	298.600
13	Công ty TNHH Tổng hợp TM Đức Hùng	0106346022	49.275	27.036	76.311	HFC-32	2903.42.00	3.000
						HFC-404A	3827.61.10	5.000
						HFC-410A	3827.63.10	3.000
						HFC-507A	3827.61.20	5.364
						HFC-407C	3827.64.00	5.000
						HFC-508B	3827.51.00	0
						HFC-449A	3827.65.00	8.000
						HFC-448A	3827.65.00	5.040
14	Công ty TNHH LNP Vina Việt Nam.	0110863150	48.300	48.300	96.600	HFC-227ea	2903.46.00	30.000
15	Công ty CP Phát triển xây dựng cơ điện AE	0107867010	42.700	42.700	85.400	HFC-227ea	2903.46.00	20.000
						HFC-125	2903.44.00	6.000
16	Công ty CP công	0102514438	48.300	48.300	96.600	HFC-227ea	2903.46.00	30.000

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn CO ₂ đ)	Lượng hạn ngạch điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ đ)	Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ đ)	Tên chất và khối lượng		
						Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
	nghe thiết bị Phương Nam							
17	Công ty CP Thương mại và Dịch vụ ADS Việt Nam	0108183503	88.560	26.940	115.500	HFC-227ea	2903.46.00	25.000
						HFC-125	2903.44.00	10.000
18	Công ty TNHH phát triển kỹ thuật và thiết bị bảo vệ	0100284901	49.975	49.650	99.625	HFC-507A	3827.61.20	25.000
19	Công ty TNHH Điện lạnh Thuận Thành	0100954112	253.037	7.508	260.545	HFC-134a	2903.45.00	15.000
						HFC-32	2903.42.00	10.000
						HFC-404A	3827.61.10	12.500
						HFC-407C	3827.64.00	20.000
						HFC-410A	3827.63.10	25.000
						HFC-507A	3827.61.20	24.000
20	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Huy Hoàng	0316310713	140.233	541	140.774	HFC-134a	2903.45.00	62.560
						HFC-32	2903.42.00	21.850
						HFC-404A	3827.61.10	1.500
						HFC-410A	3827.63.10	12.995
						HFC-407C	3827.64.00	2.000
21	Công ty Cổ phần Giải pháp Đệ Nhất	0106606506		32.200	32.200	HFC-227ea	2903.46.00	10.000
22	Công ty TNHH Universal Scientific Industrial Việt Nam	0202030568		110	110	HFC-23	2903.41.00	6
						HFC-125	2903.44.00	6
						HFC khác (JF-HFC-AF, model: HFC-		6

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Lượng hạn ngạch đã cấp (tấn CO ₂ tđ)	Lượng hạn ngạch điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ tđ)	Tổng hạn ngạch sau khi điều chỉnh, bổ sung (tấn CO ₂ tđ)	Tên chất và khối lượng		
						Tên chất	Mã HS	Lượng nhập khẩu (kg)
						150-100)		
23	Công ty CP Hyesung Tech Viet Nam	0315572360		28,44	28,44	HFC-23	2903.41.00	1,5
						HFC-125	2903.44.00	1,12
						HFC-245fa	2903.47.00	2,25
24	Công ty CP An toàn Việt Nam	0102710753		48.300	48.300	HFC-227ea	2903.46.00	15.000
25	Công ty CP công nghệ Á Châu	0312620601		48.300	48.300	HFC-227ea	2903.46.00	15.000